

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Cử nhân

Ngành/chuyên ngành:

Mã số:

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**1. Thông tin chung về học phần**

1.1. Tên học phần: Kinh tế vĩ mô

1.2. Mã học phần: MAC0231

1.3. Số tín chỉ: 2

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết

+ Nghe giảng lý thuyết: 18 tiết

+ Bài tập thực hành, thảo luận, hoạt động nhóm: 10 tiết

+ Kiểm tra: 02 tiết

- Thời gian tự học: 60 giờ

1.4. Loại học phần (bắt buộc/lựa chọn): Bắt buộc

1.5. Điều kiện tham gia học phần:

- Học phần tiên quyết: Kinh tế chính trị - Mác Lênin

- Học phần học trước: Không

- Học phần song hành: Không

1.6. Các giảng viên phụ trách HP:

- Giảng viên phụ trách chính:

- Các giảng viên cùng giảng dạy:

2. Mô tả học phần *(vị trí, vai trò của học phần đối với CTĐT, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần)*

Học phần Kinh tế vĩ mô là học phần cung cấp và giới thiệu một số khái niệm cơ bản của kinh tế vĩ mô, bao gồm: đo lường tổng sản lượng và mức giá của nền kinh tế; mô tả hành vi của nền kinh tế trong dài hạn: các nhân tố quy định tăng trưởng kinh tế, thất nghiệp và lạm phát trong dài hạn; giới thiệu những tư tưởng chính về tổng cung, tổng cầu và cân bằng kinh tế vĩ mô; lạm phát và thất nghiệp trong ngắn hạn; giới thiệu các vấn đề kinh tế vĩ mô của một nền kinh tế mở bao gồm các cân thanh toán, tỷ giá hối đoái và các chính sách thương mại. đến cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Kinh tế vĩ mô đại cương, giúp cho sinh viên nắm được các quy luật hình thành và vận động của nhân cách, từ đó vận dụng được lý thuyết được trang bị để tiếp cận và tìm hiểu các môn học chuyên sâu của ngành Quản lý nhà nước.

3. Mục tiêu học phần (Course Objectives – COs)

(Mục tiêu của học phần, thể hiện sự tương quan với các chủ đề CDR của CTĐT (PLOs) và trình độ năng lực được phân bổ cho học phần)

Mục tiêu (COs)	Mô tả mục tiêu học phần	Đáp ứng CDR của CTĐT (PLOs)	Trình độ năng lực
Mục tiêu chung	Học phần mang đến cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Kinh tế vĩ mô, giúp cho sinh viên nắm được các quy luật hình thành và vận động của nhân cách, từ đó vận dụng được lý thuyết được trang bị để tiếp cận và tìm hiểu các môn học chuyên sâu của ngành Quản lý nhà nước.	PLO1, PLO5, PLO6, PLO11, PLO12	
Mục tiêu cụ thể			
CO1	Sinh viên xác định được đối tượng, nhiệm vụ, phân loại, chức năng và các nguyên tắc phương pháp luận chỉ đạo việc nghiên cứu kinh tế.	PLO1	3/6
CO2	- Phân tích được bản chất của kinh tế và các khái niệm cơ bản trong Kinh tế vĩ mô: hoạt động, giao tiếp và hình thành, phát triển kinh tế. - Trình bày được cơ sở tự nhiên, cơ sở xã hội của kinh tế và vai trò của chúng đối với sự hình thành, phát triển kinh tế. - Phân tích được các thuộc tính của kinh tế và các yếu tố chi phối sự hình thành, phát triển kinh tế. - Trình bày được các quá trình cơ bản của sự hình thành và phát triển kinh tế thị trường	PLO5	3/5
CO3	- Hình thành kỹ năng vận dụng kiến thức Kinh tế vĩ mô vào giải thích được các hiện tượng kinh tế người trong hoạt động và trong quan hệ kinh tế. - Hình thành kỹ năng vận dụng kiến thức Kinh tế vĩ mô vào giải quyết các nhiệm vụ học tập, các bài tập trong chương trình học và trong đời sống một cách khoa học.	PLO6	4/5
CO4	- Hình thành kỹ năng vận dụng kiến thức Kinh tế vĩ mô vào giải thích được các hiện tượng tâm lý người trong hoạt động và trong quan hệ ứng xử. - Hình thành kỹ năng vận dụng kiến thức Kinh tế vĩ mô vào giải quyết các nhiệm vụ học tập, các bài tập trong chương trình học và trong đời sống một cách khoa học.	PLO11	4/5
CO5	Qua học phần, sinh viên thấy được ý nghĩa, tầm quan trọng, tác dụng của kiến thức Kinh tế vĩ mô trong đời sống, đặc biệt là trong quan hệ ứng xử. Từ đó hình thành thái độ đúng đắn đối với việc học tập môn Kinh tế vĩ mô, hình thành hứng thú	PLO12	4/5

	học tập và tăng thêm lòng yêu nghề		
--	------------------------------------	--	--

Trình độ năng lực được đánh giá theo thang Bloom:

Cấp độ	Đánh giá kiến thức	Đánh giá kỹ năng	Đánh giá năng lực tự chủ và trách nhiệm
6	Sáng tạo (Creating)		
5	Đánh giá (Avaluating)	Bản năng, tự nhiên hóa (Naturalization)	Hình thành tính cách (Characterization, characterization by value set)
4	Phân tích (Analyzing) thấu hiểu cả nội dung và hình thái cấu trúc của tài liệu.	Thành thạo (Articulation)	Tổ chức các giá trị thành hệ thống (Organization)
3	Vận dụng (Upplying)	Làm chuẩn xác (Precision)	Hình thành giá trị (Valuing)
2	Hiểu (Understanding)	Thao tác (Manipulation)	Hồi đáp (Responding)
1	Nhớ (Remembering)	Bắt chước (Imitation)	Tiếp thu (Receiving)
	<i>Bloom Benjaming (1946) → Anderson Lorin và cs (1996, 2001)</i>	<i>Bloom (1970) → Simpson (1972) → Dave (1974)</i>	<i>Krathwohl D.R, Bloom B.S., Masia B.B (1973)</i>

**Ghi chú: Điểm mức độ năng lực yêu cầu theo thang đo năng lực Bloom:
Kiến thức (1→6), Kỹ năng (1→5), Năng lực tự chủ và trách nhiệm (1→5)*

4. **Chuẩn đầu ra học phần (Course Learning Outcomes – CLOs))**

Bảng 1. Chuẩn đầu ra học phần Kinh tế vĩ mô ngành Quản lý nhà nước

PLOs Quản lý nhà nước phân nhiệm cho HP Kinh tế vĩ mô			CLOs Kinh tế vĩ mô				
Ký hiệu	Mô tả	Trình độ năng lực	Ký hiệu	Mô tả	Mức độ giảng dạy (I,T,U)	Trình độ năng lực	Chương HP đảm nhận
PLO1 (1.1.1)	Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản về khoa học chính trị, khoa học tự nhiên và khoa học xã hội, pháp luật để giải quyết các vấn đề trong thực tiễn.	3/6	CLO 1 [1.1.1.1]	Trình bày khái niệm chung nhất trong sự hình thành, phát triển và vận hành kinh tế, sự vận dụng vào sự phát triển toàn diện.	I, T	3/6	Chương 1, chương 2
			CLO 2 [1.1.1.2]	Hiểu và vận dụng được bản chất của nền kinh tế, hoạt động, giao tiếp và sự hình thành, phát triển kinh tế; Các thuộc tính cơ bản của kinh.	I, T	3/6	Chương 3, chương 4, chương 5, chương 6, chương 7, chương 8, chương 9, chương 10, chương 11, chương 12
PLO5 (2.1.1)	Có kỹ năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm	3/5	CLO 3 [2.1.1.1]	Thực hiện làm việc, học tập, bàn luận, tranh luận một cách độc lập hoặc theo nhóm;	T, U	3/5	Chương 1, Chương 2, Chương 3, chương 4, chương 5, chương 6, chương 7, chương 8, chương 9, chương 10, chương 11, chương 12
			CLO 4 [2.1.1.2.]	Tổ chức và điều hành có hiệu quả trong làm việc nhóm.	T, U	3/5	

PLOs Quản lý nhà nước phân nhiệm cho HP Kinh tế vĩ mô			CLOs Kinh tế vĩ mô				
PLO6 (2.1.2)	Áp dụng được các kiến thức cơ bản về máy tính và internet, tin học văn phòng để phục vụ học tập, nghiên cứu tiếp thu kiến thức chuyên môn. Đạt Chứng chỉ tin học IC3 (Digital Literacy Certification) hoặc các chứng chỉ có giá trị quy đổi tương đương.	4/5	CLO5 [2.1.2.1]	Hiểu và vận dụng được các kiến thức về CNTT để nghiên cứu bản chất của kinh tế ; Cơ sở tự nhiên và xã hội của nền kinh tế thị trường. Thông qua các phương pháp nghiên cứu sinh viên biết cách thiết kế nghiên cứu một đề tài kinh tế vĩ mô	I, T	4/5	Chương 3, chương 4 chương 5, chương 6, chương 7, chương 8, chương 9, chương 10, chương 11, chương 12
			CLO6 [2.1.2.2]	Đánh giá được cơ cấu, bản chất của khoa học kinh tế.	T,U	4/5	
PLO11 (3.1)	Tự quyết định, tự chịu trách nhiệm, tự thích nghi với môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.	'4/5	CLO7 [3.1.1]	Quyết định được các phương pháp điều tra và thu thập thông tin trong kinh tế vĩ mô.	I, T	4/5	Chương 1, Chương 2, Chương 3, chương 4, chương 5, chương 6, chương 7, chương 8, chương 9, chương 10, chương 11, chương 12
			CLO8 [3.1.2]	Tham mưu cho lãnh đạo trong lĩnh vực chính trị của đời sống xã hội; nghiên cứu cơ chế tác động, nghiên cứu vị thế, vai trò của những cá nhân, những thể chế trong quan hệ với quyền lực, để quản lý giải quyết những vấn đề trong thực tiễn hoạt động quản lý nhà nước	T, U	4/5	

PLOs Quản lý nhà nước phân nhiệm cho HP Kinh tế vĩ mô			CLOs Kinh tế vĩ mô				
PLO12 (3.2)	Có phẩm chất chính trị và đạo đức nghề nghiệp; có thái độ hợp tác với đồng nghiệp, tôn trọng pháp luật và ý thức tổ chức kỷ luật.	4/5	CLO9 [3.2.1]	Làm việc có trách nhiệm, tham mưu, tư vấn được các đối tượng, các vấn đề phù hợp đáp ứng được những yêu cầu về quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật			Chương 1, Chương 2, Chương 3, chương 4, chương 5, chương 6, chương 7, chương 8, chương 9, chương 10, chương 11, chương 12
			CLO10 [3.2.2]	Thượng tôn pháp luật, chuyên nghiệp trong giải quyết các vấn đề quản lý chính trị - xã hội			

- **Mức độ giảng dạy:** I (Introduce): Giới thiệu; T (Teach): dạy; U (Utilize): Sử dụng.

- **Ký hiệu CDR:**

1. Nhóm CDR về kiến thức: 1.1 - Kiến thức chung; 1.2 - Kiến thức chuyên ngành;

2. Nhóm CDR về kỹ năng: 2.1 - Kỹ năng chung; 2.2 - Kỹ năng nghề nghiệp;

3. Nhóm CDR về năng lực tự chủ và trách nhiệm: 3.1 - Năng lực tự chủ; 3.2 - Tự chịu trách nhiệm.

Bảng 2. Ma trận đóng góp của các bài giảng của các chương cho việc đạt CDR học phần

PLOs được phân nhiệm	PLO1		PLO5; PLO6				PLO 11, PLO12			
CLOs	Kiến thức nghề nghiệp		Kỹ năng nghề nghiệp				Tự chủ, trách nhiệm			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Bài giảng	[1.1.1.1]	[1.1.1.2]	[2.1.1.1]	[2.1.1.2]	[2.1.2.1]	[2.1.2.2]	[3.1.1]	[3.1.2]	[3.2.1]	[3.2.2]
Chương 1	3/6		3/5	3/5		4/5	4/5	4/5	4/5	4/5
Chương 2	3/6		3/5	3/5		4/5	4/5	4/5	4/5	4/5
Chương 3		3/6	3/5	3/5	4/5	4/5	4/5	4/5	4/5	4/5
Chương 4		3/6	3/5	3/5	4/5	4/5	4/5	4/5	4/5	4/5
Chương 5		3/6	3/5	3/5	4/5	4/5	4/5	4/5	4/5	4/5
Chương 6		3/6	3/5	3/5	4/5	4/5	4/5	4/5	4/5	4/5
Chương 7		3/6	3/5	3/5	4/5	4/5	4/5	4/5	4/5	4/5
Chương 8		3/6	3/5	3/5	4/5	4/5	4/5	4/5	4/5	4/5
Chương 9		3/6	3/5	3/5	4/5	4/5	4/5	4/5	4/5	4/5
Chương 10		3/6	3/5	3/5	4/5	4/5	4/5	4/5	4/5	4/5
Chương 11		3/6	3/5	3/5	4/5	4/5	4/5	4/5	4/5	4/5
Chương 12		3/6	3/5	3/5	4/5	4/5	4/5	4/5	4/5	4/5

5. Đánh giá học phần (các thành phần, các bài đánh giá và tỉ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CDR của học phần)

Bảng 3. Đánh giá học phần

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CĐR học phần được đánh giá (CLOs)	Trọng số (tỉ lệ %)	Hình thức đánh giá	Thời điểm đánh giá
A1. Đánh giá quá trình			50		
A1.1. Sự chuyên cần, thái độ học tập			20		
Sự chuyên cần	A1.1.1. Tham gia đầy đủ giờ lên lớp lý thuyết và thực hành theo quy định	CLO11 CLO12	10	Điểm danh	Thường xuyên
Thái độ học tập	A1.1.2. Thực hiện tích cực các hoạt động trên lớp	CLO5	10	Tham gia phát biểu, thảo luận	Thường xuyên
A1.2. Kiểm tra định kỳ			30		
	A1.2.1. Bài kiểm tra 1	CLO1, CLO5, CLO6, CLO11 CLO12	30	Bài kiểm tra tự luận	Cuối chương 3
	A1.2.2. Bài kiểm tra 2			Bài kiểm tra trắc nghiệm	Kết thúc lịch học
A2. Đánh giá cuối kì			50		
	Tự luận	CLO1, CLO5, CLO6, CLO11 CLO12	50	Tự luận	Theo lịch thi của P.QLĐT

Bảng 4. Ma trận tương thích giữa các bài đánh giá với CDR học phần

CLOs	Kiến thức nghề nghiệp		Kỹ năng nghề nghiệp				Tự chủ, trách nhiệm			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Bài ĐG	[1.1.1.1]	[1.1.1.2]	[2.1.1.1]	[2.1.1.2]	[2.1.2.1]	[2.1.2.2]	[3.1.1]	[3.1.2]	[3.2.1]	[3.2.2]
A1.1			4/5	4/5			4/5	4/5	4/5	4/5
A1.2	3/6	3/6	4/5	4/5	4/5	4/5	4/5	4/5	4/5	4/5
A2	3/6	3/6	4/5	4/5	4/5	4/5	4/5	4/5	4/5	4/5

6.Nội dung và kế hoạch giảng dạy (các nội dung giảng dạy lí thuyết và thực hành thể hiện sự tương quan với các CĐR và các bài đánh giá học phần)

Bảng 4. Nội dung và kế hoạch giảng dạy học phần

TT	Các nội dung cơ bản của Chương mục	Số tiết (LT/TH)	Đáp ứng CĐR nào của HP (CLO)	PP giảng dạy	Hoạt động học của SV	Bài đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Chương 1. Giới thiệu kinh tế học và kinh tế học vĩ mô	4/1	CLO1, CLO5, CLO6,CLO11, CLO12	Thuyết trình, trao đổi, thảo luận	Nghe giảng, ghi chép Tự đọc tài liệu chương 1	
1.1	Sự khan hiếm các nguồn lực và ba vấn đề kinh tế cơ bản					
1.2	Khái niệm kinh tế học					
1.3	Hiệu quả sử dụng các nguồn lực và nội dung cơ bản của kinh tế học					
1.4	Kinh tế học thực chứng và kinh tế học chuẩn tắc					
1.5	Kinh tế học vi mô và kinh tế học vĩ mô					
1.6	Nội dung cơ bản của kinh tế học vĩ					

TT	Các nội dung cơ bản của Chương mục	Số tiết (LT/TH)	Đáp ứng CDR nào của HP (CLO)	PP giảng dạy	Hoạt động học của SV	Bài đánh giá
	mô					
1.7	Phương pháp mô hình trong kinh tế học.					
2	Chương 2. Thị trường, cung cầu và vai trò của Chính phủ	4/1	CLO1, CLO5, CLO6, CLO11, CLO12	Thuyết trình, trao đổi, thảo luận	Nghe giảng, ghi chép Tự đọc tài liệu chương 2	
2.1	Thị trường					
2.2	Cầu					
2.3	Cung					
2.4	Mối quan hệ cung cầu và cân bằng thị trường					
2.5	Các nhân tố ảnh hưởng tới cầu và sự dịch chuyển đường cầu					
2.6	Các nhân tố ảnh hưởng tới cung và sự dịch chuyển đường cung					
2.7	Thị trường tự do và điều tiết giá cả					
2.8	Cơ chế thị trường, vai trò của chính phủ.					

TT	Các nội dung cơ bản của Chương mục	Số tiết (LT/TH)	Đáp ứng CDR nào của HP (CLO)	PP giảng dạy	Hoạt động học của SV	Bài đánh giá
3	Chương 3. Các đại lượng cơ bản của kinh tế vĩ mô	4/2	CLO1, CLO5, CLO6, CLO11, CLO12	Thuyết trình, thảo luận, trao đổi, thực hành	Nghe giảng, ghi chép, thảo luận nhóm và trình bày trước lớp	A1.2
3.1	Dòng luân chuyển nền kinh tế giản đơn và phương pháp đo lường sản lượng của nền kinh tế					
3.2	Tổng sản phẩm quốc nội					
3.3	Tổng thu nhập quốc dân và thu nhập quốc dân ròng					
3.4	Đánh giá các chỉ tiêu GDP, GNP và NNP					
3.5	Đo lường biến động giá					
3.6	Tỷ lệ thất nghiệp					
3.7	Khái quát về mô hình tổng cầu-tổng cung và các biến số kinh tế vĩ mô					

TT	Các nội dung cơ bản của Chương mục	Số tiết (LT/TH)	Đáp ứng CDR nào của HP (CLO)	PP giảng dạy	Hoạt động học của SV	Bài đánh giá
4	Chương 4. Tổng cầu và mô hình số nhân cơ bản	4/3	CLO1, CLO5, CLO6, CLO11, CLO12	Thuyết trình, trao đổi, thảo luận, thực hành	Nghe giảng, ghi chép, thảo luận theo nhóm, làm bài tập cá nhân	
4.1	Tổng quan về mô hình số nhân cơ bản					
4.2	Xác định thu nhập quốc dân trong nền kinh tế giản đơn					
4.3	Xác định sản lượng dựa trên nguyên tắc tiết kiệm bằng đầu tư theo kế hoạch					
4.4	Xác định sản lượng dựa trên nguyên tắc tiết kiệm bằng đầu tư theo kế hoạch					
4.5	Xác định sản lượng trong nền kinh tế mở					
4.6	Tóm tắt các yếu tố tác động đến tổng cầu					

TT	Các nội dung cơ bản của Chương mục	Số tiết (LT/TH)	Đáp ứng CDR nào của HP (CLO)	PP giảng dạy	Hoạt động học của SV	Bài đánh giá
4.7	Tóm tắt các yếu tố tác động đến tổng cầu					
5	Chương 5. Tiền tệ, ngân hàng và chính sách tiền tệ	4/3	CLO1, CLO5, CLO6, CLO11, CLO12	Thuyết trình, trao đổi, thảo luận, thực hành	Nghe giảng, ghi chép, thảo luận theo nhóm, làm bài tập cá nhân	
5.1	Tiền và lãi suất					
5.2	Các tác nhân trong quá trình cung ứng tiền					
5.3	Ngân hàng trung ương và việc cung ứng tiền cơ sở					
5.4	Ngân hàng thương mại và việc tạo ra tiền gửi					
5.5	Kiểm soát cung tiền của ngân hàng trung ương					
5.6	Cầu và tiền					

TT	Các nội dung cơ bản của Chương mục	Số tiết (LT/TH)	Đáp ứng CDR nào của HP (CLO)	PP giảng dạy	Hoạt động học của SV	Bài đánh giá
5.7	Mô hình thị trường tiền tệ					
5.8	Tác động của chính sách tiền tệ.					
6	Mô hình IS-LM và chính sách tiền tệ trong mô hình IS-LM	4/3	CLO1, CLO5, CLO6, CLO11, CLO12	Thuyết trình, trao đổi, thảo luận, thực hành	Nghe giảng, ghi chép, thảo luận theo nhóm, làm bài tập cá nhân	
6.1	Khái quát chung về mô hình					
6.2	Cân bằng trên thị trường hàng hoá: Đường IS					
6.3	Cân bằng trên thị trường tiền tệ: Đường LM					
6.4	Phân tích IS-LM					
6.5	Chính sách tài chính, tiền tệ trong mô hình IS-LM.					
7	Mô hình Tổng cầu - Tổng cung	4/3	CLO1, CLO5, CLO6, CLO11, CLO12	Thuyết trình, trao đổi, thảo luận, thực hành	Nghe giảng, ghi chép, thảo luận theo nhóm, làm bài tập cá nhân	

TT	Các nội dung cơ bản của Chương mục	Số tiết (LT/TH)	Đáp ứng CDR nào của HP (CLO)	PP giảng dạy	Hoạt động học của SV	Bài đánh giá
7.1	Mô hình Tổng cầu - Tổng cung					
7.2	Mô hình Tổng cầu - Tổng cung					
7.3	Đường tổng cung ngắn hạn					
7.4	Đường tổng cung dài hạn, quan hệ giữa đường tổng cung ngắn hạn và dài hạn					
7.5	Những nhân tố làm dịch chuyển các đường tổng cung					
7.6	Phân tích tổng cầu-tổng cung					
7.7	Điều tiết kinh tế của chính phủ trong mô hình tổng cầu - tổng cung					
8	Mô hình Tổng cầu - Tổng cung, các lý thuyết về tổng cung	4/3	CLO1, CLO5, CLO6, CLO11, CLO12	Thuyết trình, trao đổi, thảo luận, thực hành	Nghe giảng, ghi chép, thảo luận theo nhóm, làm bài tập cá nhân	

TT	Các nội dung cơ bản của Chương mục	Số tiết (LT/TH)	Đáp ứng CDR nào của HP (CLO)	PP giảng dạy	Hoạt động học của SV	Bài đánh giá
8.1	Mô hình tiền lương cứng nhắc					
8.2	Mô hình nhận thức sai lầm của công nhân					
8.3	Mô hình thông tin không hoàn hảo					
8.4	Mô hình giá cả cứng nhắc					
8.5	So sánh các mô hình tổng cung					
8.6	Kinh tế học Keynes mới về tổng cung					
9	Thất nghiệp và lạm phát	4/3	CLO1, CLO5, CLO6, CLO11, CLO12	Thuyết trình, trao đổi, thảo luận, thực hành	Nghe giảng, ghi chép, thảo luận theo nhóm, làm bài tập cá nhân	
9.1	Thất nghiệp: Các khái niệm và phân loại					
9.2	Tác hại của thất nghiệp và hạ thấp tỷ lệ thất nghiệp					

TT	Các nội dung cơ bản của Chương mục	Số tiết (LT/TH)	Đáp ứng CDR nào của HP (CLO)	PP giảng dạy	Hoạt động học của SV	Bài đánh giá
9.3	Lạm phát: khái niệm và tác hại					
9.4	Cung tiền và lạm phát					
9.5	Mối quan hệ giữa lạm phát, thất nghiệp và sản lượng: đường Phillips					
9.6	Cú sốc cung và hiện tượng lạm phát đình trệ					
9.7	Tại sao xảy ra chính sách tiền tệ lạm phát?					
9.8	Khắc phục lạm phát					
10	Tăng trưởng kinh tế và chu kỳ kinh doanh	4/3	CLO1, CLO5, CLO6, CLO11, CLO12	Thuyết trình, trao đổi, thảo luận, thực hành	Nghe giảng, ghi chép, thảo luận theo nhóm, làm bài tập cá nhân	
10.1	Tích lũy vốn					
10.2	Mức vốn ở trạng thái vàng					

TT	Các nội dung cơ bản của Chương mục	Số tiết (LT/TH)	Đáp ứng CĐR nào của HP (CLO)	PP giảng dạy	Hoạt động học của SV	Bài đánh giá
10.3	Sự cổ gia tăng					
10.4	Tiến bộ công nghệ					
10.5	Tiết kiệm, tăng trưởng và chính sách kinh tế.					
10.6	Những đặc điểm của chu kỳ kinh doanh					
10.7	Các lý thuyết về chu kỳ kinh doanh					
10.8	Mô hình gia tốc-số nhân					
10.9	Lý thuyết chu kỳ kinh doanh thực tế					
10.10	Quản lý chu kỳ kinh doanh					
11	Nền kinh tế mở	4/3	CLO1, CLO5, CLO6, CLO11, CLO12	Thuyết trình, trao đổi, thảo luận, thực hành	Nghe giảng, ghi chép, thảo luận theo nhóm, làm bài tập cá nhân	

TT	Các nội dung cơ bản của Chương mục	Số tiết (LT/TH)	Đáp ứng CDR nào của HP (CLO)	PP giảng dạy	Hoạt động học của SV	Bài đánh giá
11.1	Luồng vốn và hàng hóa quốc tế					
11.2	Tiết kiệm và đầu tư trong nền kinh tế nhỏ và mở cửa					
11.3	Thị trường ngoại hối và tỷ giá hối đoái					
11.4	Tỷ giá hối đoái thực tế và các nhân tố ảnh hưởng đến tỷ giá hối đoái thực tế					
11.5	Các nhân tố quyết định tỷ giá hối đoái danh nghĩa					
12	Nền kinh tế mở trong ngắn hạn	4/3	CLO1, CLO5, CLO6, CLO11, CLO12	Thuyết trình, trao đổi, thảo luận, thực hành	Nghe giảng, ghi chép, thảo luận theo nhóm, làm bài tập cá nhân	
12.1	Khái quát chung về mô hình					
12.2	Khái quát đường IS*					
12.3	Khái quát đường LM*					

TT	Các nội dung cơ bản của Chương mục	Số tiết (LT/TH)	Đáp ứng CDR nào của HP (CLO)	PP giảng dạy	Hoạt động học của SV	Bài đánh giá
12.4	Mô hình Mundell-Fleming					
12.5	Tác động của các chính sách kinh tế trong điều kiện tỷ giá hối đoái thả nổi					
12.6	Tác động của các chính sách kinh tế trong điều kiện tỷ giá hối đoái cố định					
12.7	Mô hình Mundell-Fleming với mức giá thay đổi					

Ghi chú:

(2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục.

(3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương;

(4) Liệt kê các CDR của học phần (ghi kí hiệu CLO) liên quan.

(5) PP giảng dạy: Nêu PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CDR;

(6) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, làm việc nhóm để giải quyết bài tập, làm dự án ...); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm bài tập thường xuyên số....

(7): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (kí hiệu A.x.x).

7. Học liệu

Bảng 5. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
	Giáo trình chính			
1	Nguyễn Xuân Thúc (chủ biên)	2006	Giáo trình Kinh tế vĩ mô đại cương	NXB ĐHSP.
2	Nguyễn Quang Uẩn (chủ biên)	2007	Kinh tế vĩ mô đại cương	NXB Giáo dục
	Sách, giáo trình tham khảo			
2	Bùi Văn Huệ	2000	Giáo trình Kinh tế vĩ mô	NXB Đại học Quốc gia Hà nội

Bảng 6. Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học học phần

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1	Kinh tế vĩ mô Việt Nam: Xu hướng phục hồi đồng đều	https://mof.gov.vn/webcenter/portal/vclvcstc/pages_r/l/chi-tiet-tin?dDocName=MOF148259	Năm 2018
2	Thách thức ổn định kinh tế vĩ mô, duy trì đà tăng trưởng	https://baodautu.vn/thach-thuc-on-dinh-kinh-te-vi-mo-duy-tri-da-tang-truong-d173347.html	Năm 2021

8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy

Bảng 7. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy học phần

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Giảng đường nhà B	- Máy tính, máy chiếu, phần mềm đào tạo trực tuyến (LMS) phần mềm họp trực tuyến Zoom, Microsoft Team.... - Mạng internet, wifi	01	Chương 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12

9. Các Rubric đánh giá kết quả học tập

Rubric 1: Chuyên cần (Class Attendace)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Chuyên cần	Không đi học (<30%).	Đi học không chuyên cần (<50%).	Đi học khá chuyên cần (<70%).	Đi học chuyên cần (<90%).	Đi học đầy đủ, rất chuyên cần (100%).	50%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	50%

Rubric 2: Thuyết trình (Oral Presentation)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Nội dung báo cáo	Không có nội dung hoặc nội dung không phù hợp với yêu cầu.	Nội dung phù hợp với yêu cầu, hình ảnh và giải thích chưa rõ ràng	Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp	Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp, phong phú. Có sử dụng video	Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp, phong phú. Có sử dụng video và giải thích cụ thể hiểu biết trên video.	50 %
Trình bày slide	Slide trình bày quá sơ sài, không đủ số lượng theo quy định	Slide trình bày với số lượng phù hợp, sử dụng từ ngữ và hình ảnh rõ ràng	Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, gồm 3 phần (introduction, body and conclusion)	Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, gồm 3 phần, thể hiện sự thành thạo trong trình bày	Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, gồm 3 phần. Thuật ngữ sử dụng đơn giản dễ hiểu. Thể hiện sự thành thạo trong trình bày và ngôn ngữ.	25 %
Thuyết trình	Trình bày không logic, vượt quá thời gian quy định. Sử dụng thuật ngữ không đúng, phát âm không rõ, giọng nói nhỏ. Người nghe không hiểu.	Bài trình bày đầy đủ. Giọng nói nhỏ, phát âm còn một số từ không rõ, sử dụng thuật ngữ phức tạp, chưa có tương tác với người nghe khi trình	Phần trình bày có bố cục 3 phần rõ ràng. Giọng nói vừa phải, rõ ràng, dễ nghe, thời gian trình bày đúng quy định, thỉnh thoảng có tương tác với người nghe. Người nghe có thể hiểu và kịp theo dõi nội dung trình bày.	Phần trình bày ngắn gọn, dễ hiểu. Sử dụng các thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thời gian trình bày đúng quy định. Tương tác tốt với người nghe. Người nghe có thể hiểu được nội dung trình	Phần trình bày ngắn gọn. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. thu hút sự chú ý của người nghe, tương tác tốt với người nghe. Người nghe có thể hiểu và theo kịp tất cả nội dung trình bày. Thời gian trình bày đúng quy định.	25 %

		bày.		bày.		
--	--	------	--	------	--	--

Rubric 3: Làm việc nhóm (Teamwork Assessment)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Tổ chức nhóm	Không có sự làm việc nhóm	Trách nhiệm và nhiệm vụ công việc của các thành viên trong nhóm không được phân công cụ thể.	Mỗi thành viên có nhiệm vụ công việc riêng nhưng không rõ ràng và không phù hợp với khả năng của thành viên trong nhóm.	Nhiệm vụ công việc rõ ràng và phù hợp với khả năng của mỗi thành viên trong nhóm.	Nhiệm vụ công việc của mỗi thành viên rõ ràng, cụ thể, phù hợp. Phát huy thế mạnh của các thành viên trong nhóm. Tương tác, phối hợp tốt giữa các thành viên.	30%
Tham gia làm việc nhóm (chuyên cần)	< 30%	<50%	<70%	<90%	100% (Tham gia đầy đủ các buổi họp, thảo luận của nhóm)	20%
Thảo luận	Không bao giờ tham gia vào việc thảo luận của nhóm.	Hiếm khi tham gia vào thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến.	Thỉnh thoảng tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến.	Thường xuyên tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến hay.	Luôn tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến hay, hiệu quả cho các hoạt động của nhóm.	30%
Phối hợp nhóm	Không bao giờ phối hợp, hợp tác với nhóm.	Hiếm khi hợp tác, phối hợp làm việc nhóm.	Hợp tác, phối hợp với nhóm. Thỉnh thoảng tôn trọng và chia sẻ kinh nghiệm từ các thành viên khác của nhóm.	Hợp tác, phối hợp với nhóm. Thường xuyên tôn trọng và chia sẻ kinh nghiệm từ các thành viên khác của nhóm.	Hợp tác, phối hợp với nhóm. Luôn luôn tôn trọng và chia sẻ kinh nghiệm từ các thành viên khác của nhóm.	20%

Rubric 4: Bài tập (*Work Assignment*)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Nộp bài tập	Không nộp bài tập.	Nộp 70% số lượng bài tập được giao. Chưa đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Một số bài tập nộp chưa đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Hầu hết bài tập nộp đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Đúng thời gian quy định.	20%
Trình bày bài tập	Không có bài tập	Bài tập trình bày lộn xộn, không đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Lý luận, bảng biểu sử dụng trong bài tập không phù hợp.	Bài tập trình bày đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Lý luận, bảng biểu sử dụng trong bài tập rõ ràng, phù hợp. Còn một số lỗi nhỏ về trình bày (lỗi chính tả, nhầm lẫn ghi chú)	Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Lập luận sử dụng trong bài tập rõ ràng, phù hợp. Ghi chú, giải thích đầy đủ, hợp lý.	Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng), lập luận logic sử dụng trong bài tập rõ ràng, khoa học. Ghi chú, giải thích cụ thể, hợp lý.	30%
Nội dung bài tập	Không có bài tập	Nội dung bài tập không đầy đủ, một số không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ.	Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý. Còn một số sai sót trong tính toán.	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Lập luận đúng, rõ ràng.	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Lập luận chứng cứ logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn toàn hợp lý.	50%

Hải Dương, ngày... tháng... năm.....

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

